

## **ƯỚC LƯỢNG LỢI ÍCH DU LỊCH CỦA VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ – VIỆT NAM**

*Lê Thanh An*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*

**Tóm tắt.** Lượng hóa tổng giá trị kinh tế của hàng hóa và dịch vụ của nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường được xem là một trong nhiều công cụ góp phần hoạch định chính sách, thiết lập cơ chế cũng như đưa ra các biện pháp quản lý hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên môi trường. Phương pháp chi phí du lịch được nghiên cứu sử dụng để thiết lập đường cầu, và đo lường lợi ích du lịch của Vườn quốc gia Bạch Mã. Lợi ích du lịch được xem như một phần trong tổng giá trị tài nguyên của Vườn. Kết quả ước lượng lợi ích du lịch của Vườn quốc gia Bạch Mã bằng phương pháp TCM với mô hình ước lượng ITCM cho thấy, giá trị thặng dư tiêu dùng của du khách đạt 5.278.795 đồng/du khách. Giá trị thặng dư cho mỗi lần du lịch đạt 2.346.131 đồng/lần/du khách. Tổng lợi ích giải trí của du khách nội địa đến tham quan đạt 34.276.973.510 đồng/năm. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên tại Vườn quốc gia Bạch Mã.

**Từ khóa:** Khu bảo tồn thiên nhiên, Lợi ích du lịch, Thặng dư tiêu dùng, Vườn quốc gia Bạch Mã.

### **1. Đặt vấn đề**

Bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên được xem như là một trong nhiều ưu tiên hàng đầu của các quốc gia trên thế giới. Theo đó, xuất hiện nhiều công cụ, chính sách nhằm khoanh vùng diện tích để bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học đang bị đe dọa và suy giảm bởi hoạt động của con người. Trong các hình thức đó là việc thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN), đây là một trong những biện pháp góp phần gia tăng những nỗ lực bảo tồn nguồn tài nguyên. Trên thế giới, các khu BTTN đang có xu hướng tăng cả về số lượng và diện tích, và hiện có hơn 100.000 khu BTTN, chiếm 11,7% diện tích đất liền thế giới 3. Qua đó, tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái ngày càng khẳng định vai trò, vị trí quan trọng và có ý nghĩa nhiều mặt trong cuộc sống con người.

Thực tế cho thấy, hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam thiết lập ngày càng nhiều nhằm duy trì những tài sản thiên nhiên quý giá cho thế hệ hiện tại và mai sau. Qua đó, Việt Nam hiện đã thiết lập 164 khu rừng đặc dụng (30 Vườn quốc gia, 69

khu dự trữ thiên nhiên, 45 khu Bảo vệ cảnh quan, 20 khu nghiên cứu thực nghiệm khoa học) và 3 khu bảo tồn biển chứa đựng các hệ sinh thái, cảnh quan đặc trưng với giá trị đa dạng sinh học tiêu biểu cho hệ sinh thái trên cạn, đất ngập nước và trên biển [3]. Trong đó, Vườn quốc gia Bạch Mã cũng là một trong nhiều hệ thống rừng đặc dụng ở Việt Nam cần được duy trì và bảo vệ. Tuy nhiên, tình trạng suy giảm đa dạng sinh học, khai thác trái phép động vật hoang dã, gỗ và lâm sản ngoài gỗ vẫn diễn ra thường xuyên trong các khu bảo tồn. Mặc dù, các khu bảo tồn đã và đang ra sức bảo vệ nguồn tài nguyên bằng nhiều hình thức khác nhau. Một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng trên, chính là những giá trị của lâm, đặc sản và những giá trị khác của của nguồn tài nguyên chưa được nhìn nhận và đánh giá một cách đầy đủ trong tổng giá trị của nguồn tài nguyên và môi trường. Hầu hết, các giá trị gỗ, củi và lâm sản ngoài gỗ dễ dàng tính toán. Trong khi đó, nhiều giá trị khác của nguồn tài nguyên này lại chưa được xem xét đầy đủ, chẳng hạn như giá trị giải trí, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan sinh thái. Do đó, ước lượng và định giá các giá trị của nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thiết lập các cơ chế quản lý, các công cụ hữu ích trong hoạt động bảo tồn. Từ đó, nâng cao nhận thức của người dân trong việc duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

## **2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu**

### ***2.1. Nội dung nghiên cứu***

Vườn quốc gia Bạch Mã (VQG BM), thuộc địa phận hành chính của hai huyện (Phú Lộc và Nam Đông) của tỉnh Thừa Thiên Huế, và huyện Hòa Vang (tỉnh Quảng Nam), được thành lập theo quyết định số 214/CT-HDBT ngày 15 tháng 7 năm 1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng chính phủ), với nhiệm vụ chính nhằm bảo tồn các hệ sinh thái của vùng chuyển tiếp khí hậu giữa miền bắc và miền nam, bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm tiêu biểu của Vườn (Trĩ sao, Gà lôi lam mào trắng, Gà lôi lam mào đen, Voọc chà vá chân nâu, Sao la...), bảo vệ các cảnh quan tự nhiên trong vườn, phục hồi lại những khu rừng đã bị tàn phá. Hiện nay, tổng diện tích tự nhiên của VQG BM là 22.031 ha, và 21.300 ha là diện tích vùng đệm bao quanh khu vực này (48 hộ với 255 người đang sinh sống trong vùng đệm) [5].

Vườn quốc gia Bạch Mã được xem như là nơi chứa đựng các giá trị động thực vật ở mức đa dạng sinh học cao, một trong những khu rừng nguyên sinh, nhóm A, cuối cùng còn lại ở Việt Nam, và được xác nhận trong danh sách Kế hoạch hành động về đa dạng sinh học ở Việt Nam. Đa dạng thực vật gồm 2,147 loài thực vật (trong đó có 185 loài là đặc hữu của Việt Nam, 54 loài quý hiếm được đưa vào sách Đỏ Việt Nam), và 1,534 loài động vật [2]. Bên cạnh đó, Bạch Mã phân bố trên vùng chuyển đổi khu vực hệ thực vật phía Bắc và Nam, và được coi là “Trung tâm đa dạng sinh học” quan trọng của khu vực Đông Nam Á [6]. Trên cơ sở đó, định giá tổng giá trị của nguồn tài nguyên của Vườn càng có ý nghĩa nhiều mặt trong việc bảo vệ và quản lý tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trong nghiên cứu này, giá trị du lịch được đo lường và tính toán.

Lợi ích du lịch xem như một phần trong tổng giá trị tài nguyên của Vườn quốc gia. Chính vì vậy, nghiên cứu đi sâu vào xác định lợi ích du lịch với mô hình hàm cầu được thiết lập và ảnh hưởng của các yếu tố tới hoạt động du lịch. Đồng thời, nghiên cứu ước lượng giá trị thặng dư tiêu dùng và tổng lợi ích du lịch. Từ đó, Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên tại Vườn quốc gia Bạch Mã.

## ***2.2. Phương pháp nghiên cứu***

Phương pháp chính sử dụng trong nghiên cứu là phương pháp chi phí du lịch (Travel Cost Method – TCM) và là một trong nhiều phương pháp ước lượng giá trị của những hàng hóa, dịch vụ không có giá thị trường do tài nguyên thiên nhiên và môi trường mang lại. TCM được sử dụng nhiều trên thế giới nhằm ước lượng giá trị sử dụng của hoạt động giải trí [1], hay sử dụng để đo lường những lợi ích mang lại bằng việc tiếp cận các khu vực giải trí công cộng, chẳng hạn như các khu rừng quốc gia và vườn quốc gia [4]. Phương pháp TCM gồm hai công cụ có để định giá giá trị du lịch là phương pháp chi phí du lịch cá nhân (Individual travel cost model – ITCM) và phương pháp du lịch phí theo vùng (Zone travel cost model – ZTCM). Trong đó, ITCM nhấn mạnh sự đa dạng về số lần đến tham quan của du khách trong một năm. Trong khi đó, sự đa dạng về số lần tham quan lại là nhược điểm của phương pháp ZTCM. Thật vậy, ZTCM thường đánh đồng những số liệu của một lượng lớn du khách vào trong một số ít vùng. Đồng thời, ZTCM không phân biệt khách du lịch đến từ nhiều nơi khác nhau trong cùng một vùng và gộp những chi phí này cho vùng đó, trong khi những chi phí đó là hoàn toàn khác nhau. Bên cạnh đó, ZTCM đòi hỏi số lượng phân vùng lớn (thường trên 6 vùng) trong phân tích. Từ kết quả điều tra, thu thập thông tin và dữ liệu, nghiên cứu quyết định chọn phương pháp ITCM nhằm ước lượng lợi ích du lịch tại VQG Bạch Mã.

Mô hình du lịch phí cá nhân ITCM được sử dụng, phân tích và đo lường đường cầu du lịch thông qua mô hình hồi quy giữa lượng du khách và chi phí tham quan của cá nhân khi tới Vườn quốc gia. Lợi ích du lịch (thặng dư tiêu dùng) khi du khách tới tham quan chính là giá trị cảnh quan du lịch, và là phần diện tích nằm dưới đường cầu du lịch.

Nghiên cứu được tiến hành đối với khách du lịch tới VQG BM để du lịch, nghỉ ngơi, nghiên cứu, học tập và một số mục đích khác trong thời gian từ 3/2010 đến 8/2010. Như vậy, đối tượng của nghiên cứu là những người sử dụng nguồn tài nguyên. Phiếu điều tra được thu thập bằng cách phỏng vấn ngẫu nhiên và trực tiếp khách du lịch đến tham quan các điểm du lịch thuộc VQG BM. Mẫu điều tra được nghiên cứu thiết kế nhằm thu thập thông tin của du khách về thông tin chuyến đi, chi phí du lịch, cũng như các điều kiện kinh tế - xã hội của người được phỏng vấn. Tại thời điểm nghiên cứu, khách du lịch tập trung chủ yếu là du khách nội địa, khách quốc tế chiếm tỷ lệ rất thấp. Trong tổng số 300 phiếu điều tra thu được, loại bỏ những phiếu điều tra không hợp lệ, kết quả nghiên cứu thu được từ việc phân tích các thông tin của 268 du khách. Thông

qua việc tính toán và phân tích cho thấy, dung lượng phiếu điều tra nhận được là đủ lớn và đảm bảo tính tin cậy trong thống kê.

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Một số thông tin liên quan tới du khách

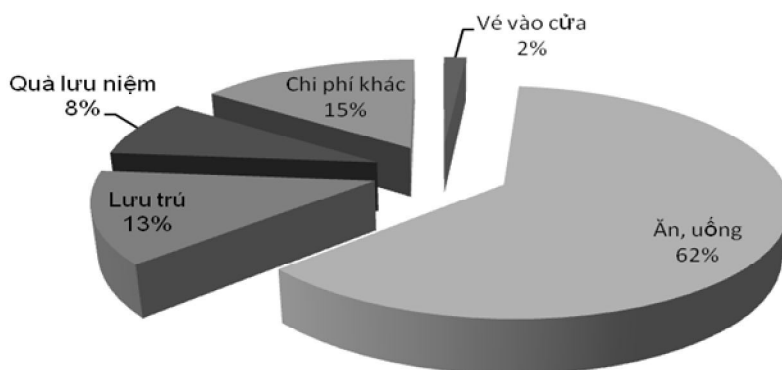
Thông tin liên quan tới chuyến đi của du khách được thu nhập nhằm xác định nhu cầu của khách tham quan, cũng như các chi phí liên quan tới chuyến đi. Kết quả cho thấy, mục đích của chuyến đi đến VQG BM rất đa dạng nhằm thỏa mãn nhiều mục đích khác nhau. Trong đó, mục đích thư giãn, nghỉ ngơi; và mục đích nghiên cứu, tìm hiểu thiên nhiên chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số 268 người được hỏi, tỷ lệ này lần lượt là 80,60% và 52,24%. Bên cạnh đó, các hoạt động leo núi, học tập, tổ chức hội họp cũng được du khách quan tâm. Điều này cho thấy, VQG BM không chỉ là nơi nghỉ ngơi lý tưởng dành cho du khách, mà còn là nơi tìm hiểu, khám phá sự phong phú và đa dạng của hệ động thực vật. Chính vì vậy, du khách không chỉ đến Bạch Mã một lần, mà lặp lại nhiều lần trong một năm (Bảng 1).

**Bảng 1.** Số lần tới Vườn quốc gia Bạch Mã của khách du lịch

Số lần tới VQG BM (lần/năm)	Số khách (người)	Tỷ lệ (%)
1	62	23,13
2	93	34,70
3	89	33,21
4	17	6,34
5	7	2,61
Tổng số	268	100,00

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2010).

Bên cạnh đó, nghiên cứu tìm hiểu hành vi chi tiêu của du khách. Trong đó, các khoản chi tiêu đã được phân bổ cho địa điểm du lịch tại VQG BM trong trường hợp du khách tham quan nhiều điểm du lịch khác nhau, và điều này không ảnh hưởng đến mô hình nghiên cứu. Kết quả thu được từ Hình 1 cho thấy, dịch vụ ăn uống chiếm tỷ lệ cao nhất, chiếm 62% trong tổng số 268 người được hỏi, và 15% liên quan tới chi phí khác (chi phí đi lại ở Vườn, thuê hướng dẫn viên du lịch, chi phí chi trả cho cộng đồng...). Tuy nhiên, hầu hết du khách cho rằng, chất lượng dịch vụ cần phải đa dạng, tiếp tục cải thiện và nâng cao nhằm thu hút du khách tham quan thay vì một số dịch vụ giản đơn như ăn uống hay lưu trú. Đồng thời, chỉ 2% tổng chi phí liên quan tới chi phí vé vào cửa, và đa phần cho rằng mức vé vào cổng hiện ở mức trung bình, mức trung bình và thấp, lần lượt chiếm 70% và 25% trong tổng số 268 khách du lịch.



**Hình 1.** Cơ cấu chi tiêu cho chuyến tham quan Vườn quốc gia Bạch Mã

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2010).

Ngoài ra, các đặc điểm thông tin kinh tế - xã hội của du khách được xem là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến hàm cầu du lịch như nghề nghiệp, trình độ học vấn, tuổi, thu nhập. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm tuổi từ 36 đến 40 tuổi chiếm tỷ lệ nhiều nhất, 75% trong tổng số 268 du khách. Đa phần trong số đó có trình cao đẳng/đại học, chiếm 72,01%, và 8,08% số người được hỏi có trình độ trên đại học. Ngoài ra, nghề nghiệp của khách du lịch tập trung chủ yếu là viên chức nhà nước, chiếm 43% trong tổng số 268 du khách. Điều này cũng phản ảnh phần nào kết quả thu được về mức thu nhập của du khách, 53,73% số người được hỏi có mức thu nhập từ 2.000.000 – 3.000.000 đồng/người/tháng. Trên cơ sở các thông tin về chuyến đi và đặc điểm kinh tế xã hội trên của du khách, nghiên cứu đi sâu vào ước lượng lợi ích du lịch của Vườn quốc gia Bạch Mã.

### 3.2. Ước lượng lợi ích du lịch

Từ các kết quả thu được ở trên, đặc biệt là số lần thăm quan hằng năm của khách du lịch, nghiên cứu quyết định sử dụng mô hình ITCM (Individual travel cost model) nhằm lượng hóa lợi ích du lịch. Kết quả đo lường hàm cầu cho hoạt động giải trí tại Vườn quốc gia Bạch Mã thể hiện dưới dạng Cobb-Douglas như sau:

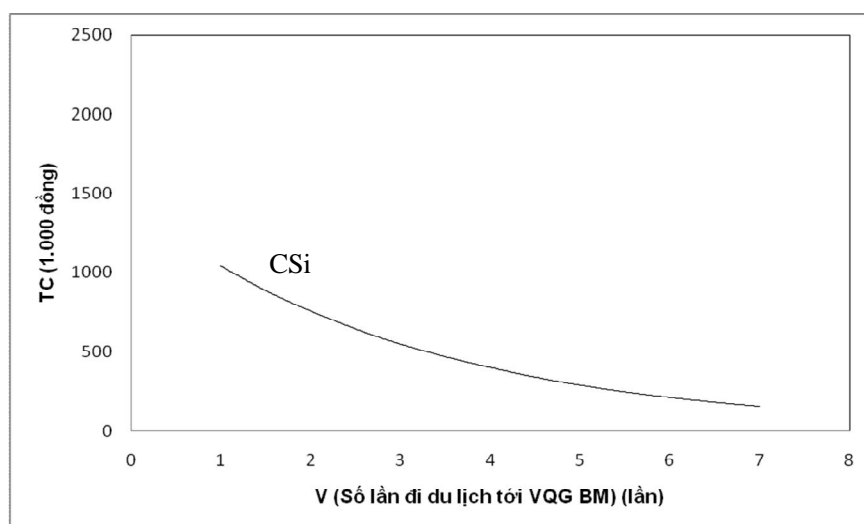
$$V = e^{-3,541} \cdot TC^{-0,299} \cdot INCOME^{0,580} \cdot TIME^{0,928} \cdot EDU^{0,329} \cdot AGE^{0,265} \quad (3.2)$$

Trong đó:

V	Số lần đi tham quan tới VQG BM (lần/năm)
TC	Chi phí du lịch (1.000 đồng/người)
INCOME	Thu nhập của khách du lịch (1.000.000 đồng/người)
TIME	Số lần đi du lịch trong một năm của du khách (lần/năm)
EDU	Trình độ học vấn (năm)
AGE	Tuổi (năm)

Mô hình ước lượng (3.2) với giá trị  $R^2$  đạt 0,793, hay, 79,3% sự thay đổi của biến phụ thuộc  $V$  được giải thích bởi các biến đưa vào mô hình. Bên cạnh đó, hệ số của các biến đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và 1%. Các kiểm định White test, Durbin – Waston, và Multicollinearity cho thấy, mô hình (3.2) không thấy có hiện tượng phương sai không đều, hiện tượng tự tương quan và tính đa cộng tuyến. Điều này chứng tỏ, mô hình hồi quy đáng tin cậy.

Trên cơ sở đó, khi cố định thu nhập ở mức thu nhập trung bình của mẫu điều tra (2.613.060 đồng/tháng/người), số lần đi du lịch trung bình trong năm (1,6 lần/năm), trình độ trung bình của khách du lịch (13,48 năm/người), và độ tuổi của du khách (37,45 tuổi), nghiên cứu tiến hành mô tả đường cầu du lịch cho VQG BM theo phương pháp ITCM (Hình 2).



**Hình 2.** Hàm cầu du lịch của Vườn quốc gia Bạch Mã

Lợi ích du lịch cho Vườn quốc gia Bạch Mã, từ hàm cầu đã thiết lập, xác định giá trị thặng dư cho mỗi khách du lịch đến Vườn quốc gia Bạch Mã thông qua phép tích phân theo chi phí du lịch của hàm cầu với hai cận là mức chi phí thực trả và mức sẵn lòng chi trả của khách du lịch, cụ thể:

$$CSi = \int_{Min}^{Max} V_i d(TC) = \int_{Min}^{Max} e^{\alpha} TC_i^{\beta 1} S_i^{\beta 2} d(TC)$$

Kết quả nghiên cứu cho thấy, kết hợp với các số liệu thu thập, giá trị thặng dư cho mỗi khách du lịch là 5.278.795 đồng/người. Bên cạnh đó, số lần đi du lịch trung bình của du khách đạt 2,25 lần. Do đó, giá trị thặng dư cho mỗi lần du lịch của du khách đạt 2.346.131 đồng, và đây cũng chính là giá trị du lịch của khu du lịch Bạch Mã. Thông qua số liệu khách nội địa trong năm 2009 đến VQG BM đạt 14.610 lượt du khách, tổng lợi ích giải trí của vườn quốc gia này theo phương pháp ITCM là 34.276.973.510 đồng/năm. Từ kết quả này, nghiên cứu nhận thấy, lợi ích du lịch của vườn quốc gia là rất lớn. Qua đó, nếu VQG BM có các chiến lược phát triển, khai thác,

và đầu tư đúng mức thì lượng khách du lịch hàng năm sẽ tăng và làm gia tăng lợi ích du lịch.

#### **4. Kết luận và khuyến nghị**

##### ***4.1. Kết luận***

Vườn quốc gia Bạch Mã không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với môi trường cảnh quan khu vực xung quanh, mà còn giữ chức năng bảo tồn hệ sinh thái động thực vật phong phú và đa dạng. Nguồn tài nguyên của VQG BM có giá trị nhiều mặt như phục hồi nguồn tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái đa dạng; khu vực lưu giữ các nguồn gen động thực vật, giá trị văn hóa, du lịch và các giá trị khác. Về giá trị du lịch, nghiên cứu nhận thấy, khu vực này có nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn, nhiều cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn và các hoạt động du lịch, giải trí trong Vườn. Kết quả ước lượng lợi ích du lịch của Vườn quốc gia Bạch Mã bằng phương pháp TCM với mô hình ITCM cho thấy, giá trị thặng dư tiêu dùng của khách du lịch đạt 5.278.795 đồng/du khách. Đồng thời, giá trị thặng dư cho mỗi lần du lịch đạt 2.346.131 đồng/lần/du khách. Đồng thời, tổng lợi ích giải trí của VQG BM theo ITCM đạt 34.276.973.510 đồng/năm. Qua đó, nghiên cứu đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao hoạt động quản lý và bảo tồn tại Vườn quốc gia Bạch Mã. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu này cũng góp phần trong việc xác định tổng giá trị tài nguyên của VQG BM cũng như so sánh giá trị với các tài nguyên môi trường khác.

##### ***4.2. Khuyến nghị***

Nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý và bảo tồn thiên nhiên, thông qua việc thu thập thông tin, xây dựng đường cầu và lượng hóa lợi ích du lịch, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Tăng cường công tác quảng bá du lịch. Kết quả từ mô hình ước lượng (3.1) cho thấy, số lần du lịch trong một năm ảnh hưởng lớn đến cầu du lịch và ước đoán sự gia tăng của cầu du lịch, kéo theo việc tăng giá trị du lịch. Do đó, hoạt động quảng bá du lịch cần được mở rộng trên phạm vi cả nước và hướng đến tầm quốc tế. Bên cạnh đó, thu hút sự đầu tư vào hoạt động du lịch từ bên ngoài.

- Nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân, nhất là cộng đồng sống xung quanh vùng đệm Vườn quốc gia Bạch Mã.

- Giảm chi phí nhằm tăng giá trị thặng dư và thu hút khách tham quan. Các sản phẩm du lịch cần được đa dạng hóa kèm theo sự gia tăng về chất lượng các dịch vụ du lịch tại VQG BM.

Duy trì và đẩy mạnh công tác giáo dục môi trường. Trong đó, VQG cần tổ chức và nâng cao các hoạt động thăm quan sinh thái, tìm hiểu thiên nhiên và nghiên cứu khoa học kết hợp với giáo dục môi trường thông qua việc phối kết hợp với các cơ sở giáo dục ở trong và ngoài địa phương.

Thiết lập quỹ bảo tồn nguồn tài nguyên cùng với chính sách khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động bảo tồn và kết hợp với hoạt động phát triển du lịch nhằm đẩy mạnh sự tham gia tích cực của người dân trong hoạt động sử dụng, quản lý, phát triển và bảo tồn các nguồn tài nguyên hiện có của Vườn.

Nghiên cứu góp phần đánh giá một phần trong tổng giá trị của nguồn tài nguyên thiên nhiên của Vườn quốc gia Bạch Mã. Do đó, cần thực hiện các nghiên cứu tiếp theo nhằm đánh giá tổng giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên. Từ đó, các chính sách cũng như các đề xuất sẽ được củng cố và hoàn thiện trong việc bảo tồn bền vững các nguồn tài nguyên tại Vườn quốc gia Bạch Mã.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Haab, T.C and McConnell, K.E., *Valuing Environmental and Natural Resource the Econometrics of Non-Market valuation*, Edward Elgar, Cheltenham, UK, 2002.
2. Hoàng Xuân Quang và cộng sự, *Kết quả điều tra nghiên cứu thành phần loài Lưỡng cư Bò sát vườn quốc gia Bạch Mã từ 1996 - 2006*, Tạp chí Khoa học, Đại học Vinh, 36,( 3A), 2007.
3. IUCN, *Hướng dẫn quản lý khu bảo tồn thiên nhiên: Một số kinh nghiệm và bài học quốc tế*, IUCN Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam, 2008.
4. Oh, C-o, R. Dittion, D. Anderson, D. Scott, and J. Stoll., *Understanding differences in nonmorket valuation bay angler specialization level*, Leisure Sciences 27(3), 2005.
5. Thua Thien Hue FIPI., *Results of reclassification of three types of forest in Thua Thien Hue province*, Sub – FIPI (Forest Inventory and Planning Institute), 2006.
6. Tran Thien An, Stefan Ziegler, *Harvest and utilization of medicinal plants in Bach Ma national park*, Medicinal plant conservation, Vol. 7, 2001.

### VALUEING RECREATIONAL BENEFITS OF BACH MA NATIONAL PARK IN VIETNAM

*Le Thanh An*

*College of Economics, Hue University*

**Abstract.** Evaluation of the total economics value of goods and services supplied by natural/environmental resources systems is seen as one of many tools contributing to defining policy and procedures, establishing structures as well as providing control measures for effective and sustainable management of environmental resources. The Travel cost method (TCM) is used to estimate the



consumer surplus derived from the recreational use of Bach Ma National Park (BMNP), and it is part of the total economics value of BMNP. By means of TCM with Individual travel cost model, the results showed that the value of consumer surplus of visitors reach was found to be of 5,278,795 VND per visitor. The surplus value for each time visitor reach was of 2,346,131 VND per time per visitor. The total recreation benefit of domestic visitor to the Bach Ma National Park was 34,276,973,510 VND per annum. The study thereby offers recommendations to the improving of management efficiency and resource conservation at Bach Ma National Park.

**Keywords:** Bach Ma National Park, Consumer surplus, Protected areas, Recreational benefits.